

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HSST
Ngày: 20-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Đình Mùi;

- Ông Hà Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện V, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đồng Văn T, tên gọi khác không; sinh ngày 09 tháng 02 năm 1995 tại Huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú bản B, xã N, Huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 8/12; dân tộc Thái; giới tính nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Đồng Văn Kh (đã chết) và bà Đồng Thị M, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17-6-2019, “Có mặt”.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1968, trú tại: Tổ 4, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 7, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

+ Bùi Xuân M, sinh năm 1993

Trú tại: Tổ 5, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

+ Đồng Thị M, sinh năm 1968

Trú tại: Bản B, xã N, Huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 02-6-2019, Đồng Văn T đi xe mô tô biển kiểm soát 21T2-2021 từ nhà đến đầu cầu treo bản B, xã N, huyện V, thấy 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 21C-033.54 của anh Nguyễn Công Th đỗ ven đường không có ai trông coi, cửa xe không khóa, T mở cửa xe lấy 02 chiếc điện thoại di động để trên ghế phụ, gồm 01 chiếc Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G và 01 chiếc NOKIA 105 màu đen, bàn phím nổi. Sau khi lấy trộm tài sản T mang 02 điện thoại đến cửa hàng điện thoại Ng ở đường TN, thị xã N, bán điện thoại NOKIA cho anh Nguyễn Văn Hoan được 150.000 đồng và nhờ mở khóa điện thoại Iphone 6 Plus, sau khi mở khóa T mang bán cho anh Bùi Xuân M ở tổ 5, phường T, thị xã N. Quá trình điều tra Công an Huyện V đã thu giữ và trả lại điện thoại Iphone 6 Plus cho anh Nguyễn Công Th.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Huyện V định giá và kết luận:

Chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, dung lượng 16G đã qua sử dụng có trị giá là: 2.700.000 đồng. Điện thoại NOKIA 105 màu đen, loại máy có hai sim đã qua sử dụng có trị giá là 200.000 đồng. Tổng số tiền bằng số 2.900.000 đồng.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận định giá nêu trên.

Cáo trạng số: 40/CT-VKS-VC ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Đồng Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đồng Văn T thành khẩn khai báo, công nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Lời khai tại Cơ quan điều tra bị hại anh Nguyễn Công Th trình bày: Ngày 02-6-2019, Đồng Văn T trộm cắp của anh Th 01 chiếc Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G và máy NOKIA 105 màu đen, bàn phím nổi. Trong quá trình điều tra Công an Huyện V đã thu hồi trả lại anh 01 chiếc Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G, còn chiếc điện thoại NOKIA không thu hồi được, anh Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không đề nghị gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan Bùi Xuân M có lời khai tại cơ quan điều tra nội dung: Ngày 02-6-2019, do không biết nên mua của bị cáo 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng đã cũ bị cáo đã trộm cắp với giá 1.500.000 đồng (BL 82-83). Ngày 08-8-2019 bà Đồng Thị M đã trả lại số tiền 1.500.000 đồng, anh M không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi liên quan Nguyễn Văn Hoan có lời khai tại cơ quan điều tra nội dung: Ngày 02-6-2019, mua của Đồng Văn T 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen, bàn phím nổi đã cũ với giá 150.000 đồng và giúp T mở khóa chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, chiếc điện thoại NOKIA 105 mua của T đã bán không nhớ người mua, anh H không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Đồng Thị M trình bày: Sau khi sự việc xảy ra bà M đã trả cho Bùi Xuân M số tiền 1.500.000 đồng nay không yêu cầu bị

cáo phải trả lại. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu DREAM HONDA biển kiểm soát 21T2-2021 đã cũ bị cáo đã sử dụng khi trộm cắp tài sản bị Công an thu giữ là tài sản của cả gia đình nên bà M xin được nhận lại xe để gia đình sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đồng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i và s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đồng Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng trong vụ án: Quá trình điều tra Công an Huyện V đã thu hồi 01 chiếc Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G trả lại bị hại, còn chiếc điện thoại NOKIA không thu hồi được bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản tạm giữ: Trả cho bà Đồng Thị Miền chiếc xe mô tô nhãn hiệu DREAM HONDA biển kiểm soát 21T2-2021

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Đồng Văn T nói lời sau cùng: bị cáo có tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an Huyện V, tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Công Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Xuân M, Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã có lời khai làm rõ những tình tiết trong hồ sơ vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 15 giờ, ngày 06-02-2019, tại đầu cầu treo bản B, xã N, Huyện V. Đồng Văn T lén lút mở cửa xe ô tô của anh Nguyễn Công Th chiếm đoạt 02 điện thoại di động có tổng trị giá 2.900.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo Đồng Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, nhưng do vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn tại địa phương. Do đó phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, đã thu hồi tài sản trị giá trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; bị cáo tác động mẹ bị cáo là Đồng Thị M trả lại cho anh M số tiền bán điện thoại là 1.500.000 đồng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”; “Bồi thường thiệt hại”; và “Thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm i, h, b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy. Cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6]. Tuy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng là người có nhân thân xấu, nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[7]. Tại phiên tòa và biên bản xác minh tài sản ngày 10/7/2019, nơi bị cáo cư trú của cơ quan Điều tra cho thấy: Bị cáo không có tài sản riêng, gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về vật chứng của vụ án và tài sản tạm giữ: Đồng Văn T trộm cắp của anh Th 02 điện thoại, có tổng trị giá 2.900.000 đồng, quá trình điều tra Công an Huyện V đã thu hồi trả lại anh Th chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G, việc trả lại là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chiếc điện thoại NOKIA không thu hồi được, anh Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu DREAM HONDA biển kiểm soát 21T2-2021 là tài sản của cả gia đình bị cáo, bị cáo đã sử dụng khi phạm tội không ai biết, nên cần trả lại cho bà Đồng Thị M theo khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Công Th đã nhận lại 01 chiếc Iphone 6 Plus màu trắng, bản 16G; 01 chiếc điện thoại NOKIA không thu hồi được bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H mua của bị cáo chiếc điện thoại NOKIA với giá 150.000 đồng, sau đó đã bán không thu hồi được, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Anh Bùi Xuân M, đã mua điện thoại Iphone 6 Plus của bị cáo trộm cắp, sau đó bị Công an Huyện V thu giữ trả cho bị hại, bà Đồng Thị M là mẹ đẻ bị cáo đã trả cho anh M 1.500.000 đồng, anh M không yêu cầu gì thêm, Bà M không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Đối với anh Nguyễn Văn H, anh Bùi Xuân M là người đã mua điện thoại của T. Khi giao dịch mua bán anh H và anh M không biết đó là tài sản trộm cắp nên không phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện V không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí: Bị cáo Đồng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đồng Văn T**, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2, Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đồng Văn T **06** (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 17-6-2019.

3, Về tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho bà Đồng Thị M 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM HONDA biển kiểm soát 21T2-2021 xe cũ, yếm hai bên bị nứt vỡ nhiều chỗ, ốp đèn xi nhan bên phải không có, ốp đèn xi nhan bên trái bị nứt vỡ, không có gương bên phải, không có giỏ để hàng phía trước, ốp tay ga bên phải bị nứt vỡ.

Tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa cơ quan Công an Huyện V, tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện V, tỉnh Yên Bái.

4, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đồng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5, Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo Đồng Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án Đồng Thị M có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Bị hại Nguyễn Công Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

+ Người có quyền lợi liên quan đến vụ án Bùi Văn M và Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Huyện V;
- Công an Huyện V;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã Ng, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thành Long